

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2021/DS-ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2021 “
Tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Biện

2. Bà Đặng Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền - chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST- DSTC, ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐST-DSTC ngày 30 tháng 11 năm 2020, và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST - DSTC ngày 17/12/2020, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB- TA ngày 14/10/2020; quyết định ngừng phiên tòa số: 01/2021/QĐ- DSTC ngày 29/01/2021; quyết định tạm đình chỉ số: 02/QĐ - TĐC ngày 25 / 02 / 2021, quyết định số: 04/QĐ - TTGQVA ngày 08/4/2021, thông báo về việc tiếp tục xét xử vụ án số: 01/TB - TA ngày 8/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H.

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Đức N - chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - chức vụ: Phó Giám đốc;

Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh H (Có mặt).

2. *Bị đơn:* - Bà Trương Thị D - sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Nơi làm việc: Trường Mầm Non, xã B, huyện Q, tỉnh H.

3. *Người có QLVNQLQ:* 1/ Ông Nông Hồng T - sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn Trung, xã B, huyện Q, tỉnh H (Vắng mặt không có lý do);

2/ Trường Mầm Non B;

Đại diện theo pháp luật bà Bà Nông Thị M - chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ: Xã B, huyện Q, tỉnh H (Vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đức N trình bày: Ngày 8 tháng 9 năm 2016 Ngân hàng TMCP L- Chi nhánh Hà Giang ký kết hợp đồng tín dụng số: 1685/TDH/2016/KU01 tại Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang cho bà Trương Thị D vay số tiền 260.000.000đ(*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), mục đích vay mua sắm đồ D sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 60 tháng, mức lãi suất là 12%/ năm, từ tháng thứ 4 trở đi định kỳ điều chỉnh 3 tháng /lần. Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ với số tiền 260.000.000đ, và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 1685/TDH/2016/KU01 ngày 8/9/2016, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 28 hàng tháng, mỗi kỳ trả 4.340.000đ/ tháng, kỳ cuối cùng trả nợ 3.940.000đ. Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ đối với toàn bộ khoản vay của người vay tại ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang ông Nông Hồng T là chồng chị D, địa chỉ tại thôn T, xã B, huyện Q, tỉnh H. Hình thức cho vay trừ lương hàng tháng với số tiền 4.340.000đ/ tháng(*Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*), kỳ cuối cùng trả 3.940.000đ/ tháng (*Ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*), thời điểm vay tiền khách hàng Trương Thị D công tác tại trường Mần Non B giữ chức vụ hiệu trưởng, xã Bằng Lang, huyện Q, tỉnh H. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trương Thị D đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H, để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 28/03/2018. Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh H đã đôn đốc khách hàng và thực hiện nhiều biện pháp xử lý thu hồi nợ, hiện nay bà D đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Quyết Tiến huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà D có trách nhiệm trả khoản vay còn nợ là 264.596.186đ(*Hai trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi sáu đồng*) trong đó nợ gốc tính đến ngày 26/4/2020 là 177.540.000đ(*Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) và lãi là 40.013.494đ(*Bốn mươi triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*), lãi phạt gốc 47.042.692đ(*Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng*).

Bị đơn Bà Trương Thị D xác nhận việc ngân hàng khởi kiện bà D ra tòa án là hoàn toàn đúng, hiện nay bà D đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Quyết Tiến huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy bà D không có điều kiện, và khoản thu nhập nào để thanh toán trả món vay còn nợ cho ngân hàng đúng theo cam kết của hợp đồng, bà D có yêu cầu Tòa án và ngân hàng tạo điều kiện cho bà D sau khi chấp hành án xong về địa phương bà D tự có trách nhiệm trả số tiền trên cho ngân hàng, đối với Ông Nông Hồng T là chồng bà D và trường Mần non B, bà D đề nghị không đưa ông T và trường Mần Non B vào tham gia việc trả nợ của bà D, bà tự có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ trên cho ngân hàng sau khi ra chấp hành án xong.

Đồng bị đơn ông Nông Hồng T không có mặt tại Tòa án, nên không đưa ra quan điểm của mình,

Đối với nhà trường Mần non B không đến và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ban đầu đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trương Thị D có trách nhiệm thanh toán trả số tiền vay còn nợ là 264.596.186đ(Hai trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc tính đến ngày 26/4/2020 là 177.540.000đ(Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và lãi là 40.013.494đ(Bốn mươi triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), lãi phạt gốc 47.042.692đ(Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng). Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết việc buộc ông Nông Hồng T là người đồng trách nhiệm trả khoản nợ trên thay cho bà D.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, người có QLNVLQ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng vi phạm quy định tại khoản 15, Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh tỉnh Hà Giang. Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g, Điều 40, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 282, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bà Trương Thị D phải trả cho Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh tỉnh Hà Giang số tiền nợ gốc: 177.540.000,đ; Lãi trong hạn là 40.013.494,đ; Phạt chậm trả gốc là 47.042.692,đ. Tổng cộng: 264.596.186,đ và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng kể từ ngày 26/4/2021 cho đến ngày bà Trương Thị D trả hết nợ gốc.

- Về án phí: Buộc bà Trương Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 13.229.000đ(Mười ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng). Ngân hàng không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và được trả lại 5.035.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002328 ngày 29/10/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án khi triệu tập bị đơn theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn bà D không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết, bà D hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Quyết Tiến, huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Giang. Sau khi xác minh, thu thập chứng cứ bị đơn bà Trương Thị D có yêu cầu Tòa án tiến hành đưa ra xét xử, bà D yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, đồng bị đơn ông Nông Hồng T vắng mặt không có lý do người có QLNVLQ vắng mặt không có lý do HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị D, ông Nông Hồng T, người có QLVNLQ là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 8/9/2016 Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang và bà Trương Thị D đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng số 1685/TDH/2016/KU01 tại Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang cho bà Trương Thị D vay số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), mục đích vay mua sắm đồ D sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 60 tháng, mức lãi xuất là 12%/ năm; kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 28 hàng tháng, mỗi kỳ trả 4.340.000đ/ tháng, kỳ cuối cùng trả nợ 3.940.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ phát sinh tranh chấp. Như vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng và là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015.

[3] Về nội D: Ngày 8/9/2016 Ngân hàng Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H và bà Trương Thị D ký kết hợp đồng tín dụng số 1685/TDH/2016/KU01 tại Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H cho bà Trương Thị D vay số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), mục đích vay mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, không có bảo đảm bằng tài sản, mà bảo đảm tiền vay cam kết trả nợ từ tiền lương hàng tháng với số tiền là 4.340.000đ/ tháng, kỳ cuối cùng trả nợ 3.940.000đ/ tháng; thời hạn vay 60 tháng, mức lãi xuất là 12%/ năm, từ tháng thứ 4 trở đi định kỳ điều chỉnh 3 tháng /lần; kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 28 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 28 /03/2018. Tính đến thời điểm xét xử bà D còn nợ số tiền gốc là 177.540.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), và lãi là 40.013.494đ (*Bốn mươi triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*), lãi phạt gốc 47.042.692đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng*), tổng số tiền nợ gốc và lãi là 264.596.186đ

(*Hai trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi sáu đồng*). Nay Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H yêu cầu bà D có trách nhiệm trả nợ khoản vay và lãi suất trên. Bị đơn bà D chấp nhận yêu cầu trả số tiền còn nợ của ngân hàng đã đưa ra, bà D tự nguyện có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ sau khi mãn hạn tù trở về địa phương, yêu cầu ngân hàng và Tòa án không buộc ông Nông Hồng T có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên, và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H buộc bị đơn bà Trương Thị D có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền còn nợ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở bởi lẽ: Hợp đồng tín dụng số 1685/TDH/2016/KU01 tại Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang cho bà Trương Thị D vay số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) theo thỏa thuận của hợp đồng, bên cho vay có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi toàn bộ vốn vay trước thời hạn theo nội D tại khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng. Nay phía bà D đang chấp hành án phạt tù không có khả năng trả nợ. Căn cứ vào Điều 90, 91 và 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H buộc bà Trương Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H số tiền dư nợ gốc là 177.540.000đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), và lãi là 40.013.494đ (Bốn mươi triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), lãi phạt gốc 47.042.692đ (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng), tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 264.596.186đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi sáu đồng), cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử là phù hợp.

[4] Đối với Ông Nông Hồng T là người đồng trách nhiệm trả nợ, tại phiên tòa Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang không đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà D.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ý b; 1.3 danh mục II danh mục án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.229.000đ (Mười ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 90, 91; 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, 282, Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ý b; 1.3 danh mục II danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang về việc yêu cầu bà Trương Thị D có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tuyên xử: Buộc Bà Trương Thị D có trách nhiệm thanh toán trả khoản nợ gốc là 177.540.000đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), và lãi là 40.013.494đ (Bốn mươi triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), lãi phạt gốc 47.042.692đ (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng), tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 264.596.186đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi sáu đồng), tính đến ngày 26/4/2021 cho Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh H.

Kể từ ngày 27/4/2021 bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 177.540.000đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Bà Trương Thị D phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 13.229.000đ (Mười ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng). Trả lại cho Ngân

hàng TMCP L - Chi nhánh Hà Giang 5.035.000đ (Năm triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục THADS thành phố Hà Giang (do ông Nguyễn Thanh B nộp thay Ngân hàng) theo biên lai thu số: 0002328, ngày 29/10/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn bà Trương Thị D. Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Trương Thị D, đồng bị đơn ông Nông Hồng T, người có QLNVLQ Trường M xã B vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TPHG;
- Các đương sự;
- THADS TP;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sùng Thị Mai